QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẦM HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

Hồ Ngọc Cường
Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Email: hncuong@vnua.edu.vn
Đặng Minh Hải
Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh
Email: dangminhhaidh93@gmail.com

Mã bài báo: JED-1341
Ngày nhận: 15/08/2023
Ngày nhận bản sửa: 20/12/2023
Ngày duyệt đăng: 25/12/2023
Mã DOI: 10.33301/JED.VI.1341

Tóm tắt:
Quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giúp cho việc phát triển đào tạo nghề hài hòa, đảm bảo quy định của Nhà nước, phù hợp với mục tiêu, định hướng của địa phương và nhu cầu xã hội. Nghiên cứu về quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà tỉnh Quảng Ninh cho thấy các nội dung trong quản lí nhà nước về đào tạo nghề được thực hiện bài bản. Tuy vậy, công tác này vẫn còn một số những hạn chế, tồn tại. Các giải pháp đề xuất để tăng cường quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà bao gồm: Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và xã hội về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Nâng cao năng lực cho cán bộ công chức làm công tác quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Đẩy mạnh xã hội hoá dạy nghề; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
Từ khóa: Đầm Hà, Quảng Ninh, lao động nông thôn, quản lý nhà nước, đào tạo nghề.
Mã JEL: M53.

State management of vocational training for rural labor in Dam Da district, Quang Ninh province

Abstract:
State management of vocational training for labor in rural areas promotes balanced vocational training, ensuring compliance with state regulations and aligning with the objectives, orientations of localities, and social needs. A study on the state management of labor training for vocational training among rural labors in Dam Ha district, Quang Ninh Province, indicates that the state management of vocational training is well implemented. Nevertheless, there are still certain limitations and issues. Appropriate suggestions to strengthen state management of vocational training for rural labors in Dam Ha district include improving mechanisms and policies, enhancing society's awareness about vocational training, improving conditions to ensure the quality of vocational training, improving the state management capacity of officials on vocational training, promoting the socialization of vocational education, and strengthening inspection, supervision, and handling of violations in vocational training for rural labors.
Keywords: *Dam Ha, Quang Ninh, rural labor, state management, vocational training.*
JEL code: M53.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đào tạo nghề là thành tố quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định phát triển nguồn nhân lực (Bộ Lao động & Thương binh xã hội, 2022). Nhờ nền tảng giáo dục đào tạo, trong đó có đào tạo nghề, người lao động có thể nâng cao được kiến thức và kĩ năng nghề của mình, qua đó nâng cao năng suất lao động, góp phần phát triển kinh tế. Trong những năm qua, đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ thông qua thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong đó phải kể tới đề án đào tạo nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg, Quyết định số 89 đề Nghị định số 42, Nghị định số 81,… và mới đây là Nghị quyết số 19 - Hội nghị TW5-BCH Trung ương Đảng với mục tiêu đào tạo mỗi năm 1,5 triệu lao động (Ban chấp hành Trung ương, 2022). Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề giai đoạn 2016-2019 là 81,4% (Lệ Thu, 2021). Bên cạnh những mặt đạt được thì nhiều vấn đề trong công tác đào tạo nghề như trục lợi, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dạy nghề, hỗ trợ dạy nghề, đào tạo không đúng nhu cầu,... Do đó, tăng cường quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giúp cho việc phát triển đào tạo nghề tuân thủ quy định của Nhà nước, phù hợp với mục tiêu, định hướng của địa phương và nhu cầu xã hội là cần thiết.

Đầm Hà là một huyện miền Đông của tỉnh Quảng Ninh. Trong công tác đào tạo nghề, thời gian qua huyện đã nhanh chóng cụ thể hoá các văn bản, chính sách, triển khai cấp Trung ương và cấp tỉnh. Bên cạnh nhiều thành tựu trong đào tạo nghề đã đạt được thì công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện còn nhiều hạn chế. Đó là đào tạo cầm chừng, chưa có sự vào cuộc quyết liệt của lãnh đạo các cấp. Bên cạnh đó, công tác điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn chưa sát thực tế; mạng lưới các cơ sở dạy nghề chưa đáp ứng được nhu cầu của người học và xu thế phát triển kinh-tế xã hội; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy nghề còn thiếu, lạc hậu; đội ngũ giáo viên làm công tác quản lý và giảng dạy vừa thiếu, vừa yếu, công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đào tạo còn hạn chế nên kết quả và hiệu quả đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, chất lượng lao động sau đào tạo nghề còn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội đòi hỏi cần tăng cường quản lí nhà nước về lĩnh vực này (Phòng Lao động Thương binh & Xã hội Đầm Hà, 2022). Nghiên cứu này được tiến hành nhằm làm rõ thực trạng công tác quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự tác động có tổ chức và điều hành bằng quyền lực Nhà nước đối với các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, do các cơ quan quản lý đào tạo nghề của Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước ủy quyền nhằm phát triển sự nghiệp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, duy trì trật tự, kỷ cương, thỏa mãn nhu cầu được đào tạo nghề cho lao động nông thôn và thực hiện các mục tiêu phát triển sự nghiệp dạy nghề của Nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Theo Lê Quang Hảo (2011), trong công tác quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Nhà nước dùng các công cụ Pháp luật và chính sách từ cấp trung ương đến cấp địa phương để tiến hành các nhiệm vụ và chức năng của quản lí nhà nước nhằm định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề của người lao động và mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Nhà nước là đơn vị đại diện đứng ra quản lí nhà nước về đào tạo nghề, tạo sự tiếp cận bình đẳng cho các đối tượng tham gia học nghề nên hạn chế được các tiêu cực phát sinh, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực đào tạo nghè nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng. Ngoài ra, nhà nước còn tạo ra sân chơi bình đẳng, tạo ra phong chào thi đua, học hỏi, giao lưu và tích lũy kinh nghiệm các kỹ năng nghề và dạy nghề cho giáo viên, người tham gia học nghề tại các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn nhiều bất cập. Trước hết từ quy định pháp luật đến thực tiễn còn tồn tại một khoảng cách (Đào Mộng Điệp, 2021). Mặt khác, khi triển khai vào thực tiễn quản lí nhà nước thì các nguồn lực như đội ngũ cán bộ quản lý chuyên trách còn thấp, trong khi cán bộ kiêm nhiệm theo dõi vẫn chiếm hơn 70% (Nguyễn Ngọc Sơn, 2022). Bộ máy quản lý thiếu ổn định, trách nhiệm quản lý chưa rõ ràng (Nguyễn Thị Bền, 2022). Bên cạnh đó, các nguồn lực khác như tài chính, cơ sở vật chất thiết bị dạy nghề còn hạn chế. Các chương trình đào tạo nghề đã được đổi mới, cập nhật (Nguyễn Ngọc Sơn, 2022), song triển khai còn khiêm tốn ở cấp huyện. Tuy

nhiên, các nghiên cứu này cũng mới chỉ đánh giá chung hoặc trên phương diện ở thực tế một vài huyện nên mức độ củng cố cho lý luận và thực tiễn làm cơ sở tham khảo cho các địa bàn cụ thể còn ở mức độ nhất định. Do đó, việc đánh giá công tác quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện là một chủ đề đang rất cần được quan tâm nghiên cứu ở nhiều địa phương khác nhau để có cơ sở hơn nữa trong đề xuất các giải pháp tăng cường quản lí nhà nước về lĩnh vực này.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập thông tin

Số liệu thứ cấp bao gồm các chủ chương, chính sách liên quan tới quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, báo cáo tổng kết về công tác đào tạo và quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện Đầm Hà. Bên cạnh đó, có thu thập số liệu sơ cấp để lấy ý kiến các bên liên quan về quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện. Cụ thể, tiến hành phỏng vấn lao động nông thôn, các cán bộ quản lý (15 mẫu), giáo viên tham gia đào tạo nghề (10 mẫu). Với 60 lao động nông thôn đã qua đào tạo nghề, đối tượng sẽ được lựa chọn ngẫu nhiên thông qua danh sách tham gia các chương trình đào tạo và 40 lao động nông thôn chưa qua đào tạo để đánh giá về các nội dung có liên quan về công tác quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho đối tượng này. Tổng số đối tượng khảo sát là 125 mẫu cho 3 nhóm.

3.2. Phương pháp phân tích và xử lý thông tin

Trong nghiên cứu này, phương pháp thống kê mô tả được dùng để mô tả các số liệu, dữ liệu, thông tin về thực trạng quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh theo các nội dung quản lý. Các số liệu sơ cấp, thứ cấp trên cơ sở phân tổ, phương pháp so sánh dùng để so sánh các chỉ tiêu liên quan đến quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn qua các năm. Phương pháp đánh giá theo 5 mức độ: Rất tốt, tốt, khá, chưa tốt và kém các nội dung có liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà

4.1.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà

Bộ máy quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà gồm: Uỷ ban Nhân dân huyện, phòng Lao động Thương binh & Xã hội, các đơn vị có liên quan như Trung tâm Dạy nghề huyện Đầm Hà, các phòng chức năng, các tổ chức đoàn thể của huyện, Ủy ban Nhân dân xã trên địa bàn huyện. Hàng năm, trung tâm Dạy nghề huyện Đầm Hà chủ trì phối hợp với Phòng Lao động Thương binh & Xã hội, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn. Trên cơ sở danh sách đăng ký chính thức học nghề của các xã, phòng Lao động Thương binh & Xã hội, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn trình Uỷ ban Nhân dân huyện ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề tại các xã và giao cho Trung tâm Dạy nghề huyện tổ chức đào tạo. Sau đó, tổ chức khai giảng và thực hiện quản lý lớp học. Như vậy, bộ máy quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn có nhiều bên liên quan tham gia và thể hiện khá tốt vai trò của mình để bộ máy hoạt động trơn tru, có hiệu quả (Bảng 1).

Bảng 1: Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giảng viên về tổ chức bộ máy quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà

Nội dung đánh giá (n=25)	Ý kiến đánh giá (%)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Chưa tốt	Kém
1. Cơ cấu bộ máy	20,0	28,0	48,0	4,0	0,0
2. Phối hợp giữa các tác nhân trong bộ máy	16,0	20,0	40,0	20,0	4,0
3. Vai trò của các tác nhân trong bộ máy	16,0	32,0	36,0	12,0	4,0

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2023.

Qua Bảng 1 cho thấy các ý kiến đánh giá về tổ chức bộ máy nhìn chung ở mức độ tốt và rất tốt, song tỉ lệ đánh giá ở mức "khá" và "chưa tốt" vẫn còn ở mức cao. Cụ thể, về cơ cấu bộ máy, tỷ lệ đánh giá là 48,0% và 4,0%; về hoạt động phối hợp giữa các tác nhân trong bộ máy, tỷ lệ này vẫn thể hiện sự phối hợp chưa tốt

(20,0%), đặc biệt có 4,0% ý kiến đánh giá kém. Điều này là do nhiều cán bộ còn kiêm nhiệm tham gia trong bộ máy quản lý nên sự phối hợp cũng như thực hiện vai trò trong quản lí nhà nước ở mức chưa tốt (12,0%).

4.1.2. Cụ thể hoá chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên huyện Đầm Hà

Thông qua các văn bản về chủ trương chính sách đào tạo nghề của Chính phủ cùng với sự hướng dẫn chỉ đạo trực tiếp từ Sở Lao động Thương binh & Xã hội, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, huyện Đầm Hà đã xây dựng và quán triệt sâu rộng tới các cấp ban ngành trong toàn huyện, phổ biến chủ trương chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong cụ thể hoá chính sách, song nhiều chính sách bị chồng chéo, các chính sách mang tính định hướng, chưa cụ thể nên công tác rà soát, cụ thể hoá để triển khai cấp huyện cơ bản ở mức tương đối đầy đủ. Mặt khác, các chính sách chủ yếu hướng tới kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong khi các chính sách liên quan tới chế độ cho giáo viên, người học còn hạn chế và chồng chéo.

4.1.3. Tuyên truyền chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Trong giai đoạn 2020-2022, công tác tuyên truyền các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện được triển khai qua các hình thức như: băng rôn, pano, áp phích, tờ rơi, lồng ghép vào trong các cuộc họp, phát loa truyền thanh và trực tiếp. Đặc biệt trong giai đoạn diễn biến dịch bệnh Covid 2019, hoạt động tuyên truyền qua hình thức phát loa truyền thanh, băng rôn, pano, áp phích có xu hướng tăng lên. Cụ thể, số lần phát loa truyền thanh từ 445 lần năm 2020 tăng lên 512 lần trong năm 2022. Số pano, áp phích treo bình quân hơn 200 cái/ năm trong giai đoạn 2020-2022 (Phòng Lao động Thương binh & Xã hội huyện Đầm Hà, 2022). Qua khảo sát, nhiều ý kiến đánh giá cho rằng hình thức tuyên truyền là rất đa dạng và tương đối đa dạng. Tuy nhiên, tỷ lệ còn khá cao ý kiến đánh giá của các bên liên quan về hình thức tuyên truyền là bình thường. Cụ thể, có 60% ý kiến các giảng viên được hỏi cho rằng hình thức tuyên truyền là bình thường, nhóm lao động đã qua đào tạo nghề là 10,0%. Trong khi, có tới 55,0% người lao động chưa qua đào tạo được hỏi cho rằng hình thức tuyên truyền bình thường bởi những hình thức này khá truyền thống chưa có nhiều đột phá, thậm chí khá đơn điệu khi triển khai công tác tuyên truyền (Bảng 2).

Bảng 2: Ý kiến đánh giá về hình thức tuyên truyền chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Hình thức tuyên truyền	Cán bộ quản lý (n=15)		Giảng viên (n=10)		Lao động đã qua đào tạo nghề (n=60)		Lao động chưa qua đào tạo nghề (n=40)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Rất đa dạng	6	40,0	1	10,0	15	25,0	1	2,5
- Tương đối đa dạng	8	53,3	3	30,0	39	65,0	15	37,5
- Bình thường	1	6,7	6	60,0	6	10,0	22	55,0
- Không đa dạng	0	0,0	0	2,0	0	0,0	2	5,0

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2023.

4.1.4. Xây dựng kế hoạch và đầu tư các nguồn lực để đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Hàng năm, Ủy ban Nhân dân Huyện Đầm Hà giao cho các đơn vị chức năng xây dựng các kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Số lượng lao động nông thôn theo kế hoạch đào tạo năm 2020 là 2580 người, năm 2021 kế hoạch tăng lên là 2730 người và năm 2022 là 2900 người, tốc độ tăng bình quân của lao động nông thôn tham gia đào tạo theo kế hoạch là 6,0%/năm. Kế hoạch kinh phí cũng được xây dựng cho giai đoạn 2020-2022 cụ thể cho từng năm theo phân bổ từ ngân sách. Nghiên cứu trên địa bàn huyện Đầm Hà thấy rằng, các kế hoạch đào tạo nghề này hoàn toàn dựa vào nguồn vốn, kinh phí từ các chính sách, chương trình của Trung ương, tỉnh Quảng Ninh và huyện Đầm Hà. Trong đó, các nguồn kinh phí cấp chủ yếu từ Ngân sách nhà nước thông qua hoạt động đào tạo tại Trung tâm dạy nghề huyện và các lớp đào tạo nghề ngắn hạn do các ngành tỉnh hỗ trợ hàng năm tới 90%. Qua giai đoạn 2020-2022 cho thấy nguồn kinh phí theo kế hoạch đào tạo nghề được phân bổ có xu hướng tăng lên, song hết sức phụ thuộc (Bảng 3).

Bảng 3: Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Đầm Hà giai đoạn 2020-2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2020	2021	2022	Tốc độ phát triển bình quân (%)		
					21/20	22/21	Bình quân
Số lượng lao động nông thôn	Người	2580	2730	2900	105,8	106,2	106,0
Kinh phí đào tạo	Triệu đồng	1324,7	1558,6	1955,8	117,7	125,5	121,5

Nguồn: Phòng Lao động Thương binh & Xã hội huyện Đầm Hà (2022).

Để đảm bảo chất lượng đào tạo thì nguồn lực phục vụ đào tạo của các cơ sở đào tạo bao gồm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính,… đóng vai trò hết sức quan trọng. Các nguồn lực này của các cơ sở đào tạo trên địa bàn huyện Đầm Hà nhìn chung mới đảm bảo, đáp ứng phần nào đó yêu cầu đào tạo trong hiện tại. Bên cạnh những đầu tư mới, một số công trình xuống cấp, trang thiết bị đã được sử dụng nhiều năm. Để giải quyết phần nào khó khăn đó, Ủy ban Nhân dân huyện đã cho phép huy động thêm các đơn vị tư nhân khác có đủ năng lực theo quy định tham gia vào đào tạo nghề ngoài các đơn vị thuộc huyện quản lý. Tuy nhiên, kinh phí chương trình đào tạo nghề từ ngân sách nhà nước còn nhiều hạn chế nên trong các hoạt động đào tạo nghề vẫn chủ yếu được thực hiện bởi các trung tâm đào tạo nghề của huyện.

Hình 1: Trình độ đào tạo của đội ngũ nhân lực tại trung tâm dạy nghề huyện Đầm Hà năm 2022

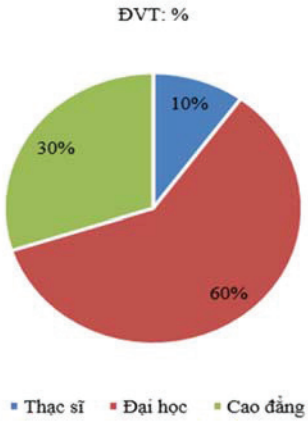

Nguồn: Trung tâm dạy nghề huyện Đầm Hà (2022).

Về nguồn nhân lực tham gia đào tạo chủ yếu vẫn là đội ngũ giảng viên của Trung tâm dạy nghề huyện. Năm 2022, tổng số đội ngũ nhân lực của trung tâm là 10 người, trong đó có 8 giáo viên tham gia giảng dạy. Trình độ của cán bộ, giảng viên ở trung tâm dạy nghề được thể hiện ở Hình 1. Có thể thấy rằng, đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo nghề còn thiếu so với nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện. Một phần do định biên nên không thể tuyển dụng thêm. Mặt khác, chế độ lương, phụ cấp còn thấp. Do đó, ngoài lực lượng giáo viên cơ hữu thì còn phải mời thêm giảng viên là hợp đồng từ các cơ quan, tổ chức có chuyên môn phù hợp nhưng đa số chưa qua đào tạo nghiệp vụ sư phạm nên khả năng truyền đạt kiến thức cho người học còn hạn chế. Do đó, cơ chế tự chủ trong đào tạo nghề tại trung tâm, cơ sở dạy nghề là rất quan trọng. Các đơn vị có thể chủ động nguồn nhân lực trong tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng theo nhu cầu của đào tạo nghề.

4.1.5. Liên kết giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Hiện nay, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện tập trung chính vào đào tạo nghề ngắn hạn. Quan trọng nhất trong đào tạo nghề là cần đào tạo đảm bảo đáp ứng nhu cầu của lao động

nông thôn có đủ kiến thức, kỹ năng để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Do đó, liên kết trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm có vai trò hết sức quan trọng đối với khu vực nông thôn. Do có liên kết với các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh nên tỉ lệ lao động qua đào tạo có việc làm ngay chiếm trên 50% và có xu hướng tăng. Cụ thể, năm 2020 có 1875 lao động học xong có việc làm ngay, năm 2022 con số này tăng lên 2002 người, tốc độ tăng 3,3%. Mặc dù có sự tăng lên về số lượng nhưng lao động học xong có việc làm ngay lại giảm đi về cơ cấu: giảm từ 57,1% năm 2020 xuống còn 54,2% năm 2022 (Bảng 4). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều lao động đào tạo xong làm trái nghề, chờ việc, chưa có việc làm. Điều này do lao động nông thôn chọn nghề đào tạo chưa phù hợp, kiến thức, kỹ năng chưa đảm bảo. Một nguyên nhân khác là do thị trường lao động đang dư thừa.

Bảng 4: Tình hình việc làm của người lao động sau khi học nghề

Chỉ tiêu	2020		2021		2022		Tốc độ phát triển (%)
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	
- Học xong có việc làm ngay	1875	57,1	1913	57,0	2002	54,2	103,3
- Học xong tự tạo việc làm	986	30,0	1002	29,9	1192	32,3	110,0
- Học xong đi làm trái nghề	321	9,8	342	10,2	411	11,1	113,2
- Chờ việc, chưa có việc làm	101	3,1	97	2,9	89	2,4	93,9
Tổng cộng	**3283**	**100,0**	**3354**	**100,0**	**3694**	**100,0**	**106,1**

Nguồn: Phòng Lao động Thương binh & Xã hội huyện Đầm Hà (2022).

4.1.6. Thanh tra, kiểm tra và thực hiện chế độ báo cáo về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Có thể thấy rằng, thanh tra, kiểm tra là nội dung không thể thiếu trong quản lí nhà nước nói chung và quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng. Thông qua công tác thanh tra kiểm tra sẽ giúp các cơ sở đào tạo nghề, các đối tượng tham gia vào hoạt động quản lý, đào tạo nghề sẽ thực hiện tốt hơn, theo đúng quy định và hiệu quả hơn. Trong giai đoạn 2020-2022, trung bình mỗi năm huyện Đầm Hà tổ chức từ 2 đến 3 lần (Bảng 5). Trên cơ sở đó đã phát hiện được một số vi phạm trong công tác tổ chức, nội dung đào tạo, kinh phí đào tạo, và các vi phạm khác. Nhìn chung, công tác thanh tra, kiểm tra về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được tiến hành một cách chủ động, song liên quan tới nhiều bên nên chưa linh hoạt. Các hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đã tuân thủ theo quy định hiện hành của Pháp luật song công tác này chưa được thường xuyên thực hiện. Bên cạnh đó vai trò của lao động nông thôn chưa được đề cao trong thanh tra, kiểm tra với tư cách là kênh thông tin tham khảo quan trọng.

Bảng 5: Thanh tra, kiểm tra trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà giai đoạn 2020-2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tốc độ phát triển (%)
1. Số lần thanh tra, kiểm tra	**Lần**	**2**	**2**	**3**	122,5
2. Số vụ vi phạm	**Vụ**				
- Công tác tổ chức		1	3	2	141,4
- Nội dung đào tạo	Vụ	2	1	3	122,5
- Kinh phí đào tạo	Vụ	1	2	2	141,4
- Vi phạm khác	Vụ	2	2	2	100,0

Nguồn: Phòng Lao động Thương binh & Xã hội huyện Đầm Hà (2022).

Đối với chế độ báo cáo về tình hình đào tạo nghề, bao gồm: nhu cầu đào tạo, kinh phí đào tạo, tình hình thực hiện đào tạo, kết quả đào tạo,… được thực hiện thường xuyên bởi Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Đầm Hà với Uỷ ban nhân dân huyện Đầm Hà và Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Quảng Ninh. Thông qua báo cáo, công tác quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn sẽ nắm bắt được tình hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng như những khó khăn, cần giải quyết, từ đó nâng cao hiệu quả, kết quả của đào tạo nghề.

4.1.7. Những tồn tại và hạn chế trong quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên huyện Đầm Hà

Một số tồn tại và hạn chế trong quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên huyện Đầm Hà rút ra được như sau:

Ban chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện Đầm Hà vẫn chưa thật sự chủ động, tích cực trong việc tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn và giám sát công tác đào tạo nghề tại địa phương. Khảo sát các đối tượng để lập kế hoạch đào tạo còn chưa sát với thực tế.

Mạng lưới và năng lực của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu vẫn là cơ sở đào tạo công lập, chưa có cơ sở đào tạo ngoài công lập có quy mô lớn và được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh để cùng tham gia giáo dục nghề nghiệp cho người lao động.

Đội ngũ cán bộ quản lí nhà nước về dạy nghề còn kiêm nhiệm, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao. Cán bộ quản lý ở một số trung tâm giáo dục thường xuyên vừa quản lý lĩnh vực giáo dục chuyên nghiệp vừa quản lý lĩnh vực đào tạo nghề nên kinh nghiệm quản lý còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vẫn còn chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý dạy nghề.

Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy ít cùng với tỷ lệ không nhỏ giáo viên, giảng viên chưa được đào tạo trình độ kỹ năng nghề, sư phạm nghề, nghiệp vụ sư phạm nghề. Các trung tâm Giáo dục thường xuyên, dạy nghề của huyện còn thiếu đội ngũ giáo viên cơ hữu so với nhu cầu thực tế. Thực trạng này gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo nghề.

Chương trình, giáo trình dạy nghề chưa được thường xuyên cập nhật, bổ sung theo sự thay đổi của khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất. Quy trình biên soạn chương trình, giáo trình còn thiếu sự tham gia của doanh nghiệp nên phần lớn chưa phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp. Vì vậy, lao động sau học nghề được nhận vào làm việc tại doanh nghiệp đều phải qua đào tạo lại.

Nguồn lực tài chính còn thiếu, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách của trung ương và của tỉnh. Mặt khác, cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn lạc hậu, thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề. Phần lớn nhà xưởng được xây dựng theo "tiêu chuẩn thiết kế ban hành năm 2003" nên không phù hợp với phương pháp dạy học mới - phương pháp dạy tích hợp. Việc bố trí vốn đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương nên còn thấp, đầu tư không đồng bộ, chắp vá.

4.2. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

4.2.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện thể chế dạy nghề, nhất là cơ chế tài chính đảm bảo lợi ích cho người dạy nghề, người học nghề, người lao động qua đào tạo nghề, chính sách đối với doanh nghiệp tham gia dạy nghề… tạo động lực cho việc dạy và học nghề, có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với cả người học và cơ sở đào tạo nghề. Đây là cơ sở Pháp lý vô cùng quan trọng trong thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng như quản lý đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo công lập phát huy tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, về tài chính và các hoạt động khác trong khuôn khổ những qui định của Nhà nước. Đồng thời, hoàn thiện các qui định về mô hình qui chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề ngoài công lập, qui định trách nhiệm tài chính và trách nhiệm của các cơ sở dạy nghề hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận. Xây dựng cơ chế khuyến khích các cơ sở dạy nghề ngoài công lập đăng ký hoạt động theo quy định cả pháp luật về dạy nghề.

4.2.2 Nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và xã hội về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền cũng như đổi mới hình thức tuyên truyền về vị trí, vai trò, ý nghĩa của đào tạo nghề đối với sự phát triển của xã hội, đặc biệt tới các đối tượng lao động nông thôn chưa qua đào tạo. Đây là nhiệm vụ cần được lồng ghép thông qua các cấp ủy, Đảng, chính quyền và toàn xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động các thành viên của tổ chức mình tham gia học nghề. Coi đào tạo nghề là một giải pháp đột phá chiến lược để phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội.

4.2.3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, các cơ sở giáo dục nhà nước phải có đủ diện tích phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm… Thiết bị máy móc phải phù hợp với ngành nghề đào tạo, đủ về số lượng và chủng loại cần thiết; có chương trình, kế hoạch đổi mới trang thiết bị, khắc phục tình trạng máy móc, phương tiện, thiết bị cũ kỹ lạc hậu. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực dạy nghề theo chủ trương xã hội hóa nhằm huy động nguồn lực cho công tác đào tạo nghề nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của huyện.

Nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực tham gia công tác đào tạo nghề. Thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ giáo viên dạy nghề đủ về số lượng, phù hợp với cơ cấu ngành nghề đào tạo, đảm bảo chất lượng, có khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề.

Hoàn thiện mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo chính là chú trọng tới việc gắn nội dung đào tạo với thị trường sử dụng lao động. Nắm bắt nhu cầu, thị trường lao động, nhu cầu học nghề của người lao động, liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để kịp thời điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tế sản xuất và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

4.2.4. Nâng cao năng lực cho cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Hầu hết các cán bộ quản lý của các cơ sở đào tạo đều từ giáo viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý, qua việc rút kinh nghiệm từ thực tế của bản thân để vận dụng vào quản lý, đa phần trong số đó chưa được đào tạo cơ bản về kiến thức quản lý nên hiệu quả quản lý hiện nay được đánh giá chưa cao. Vì vậy, việc bổ sung thêm đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề và tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng quản lý là rất cần thiết. Đồng thời, tiến tới xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên trách làm nhiệm vụ quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

4.2.5. Đẩy mạnh xã hội hoá dạy nghề

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích để huy động tối đa sự tham gia của doanh nghiệp, làng nghề dưới các hình thức như tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, đầu tư cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp; liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để học viên được thực tập nghề trong thực tiễn sản xuất; hỗ trợ mọi tổ chức, doang nghiệp, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tạo sự bình đẳng giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập trong giáo dục nghề nghiệp (đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý; đặt hàng đào tạo…); các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chương trình giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao được thu học phí sát với thị trường để trang trải chi phí đào tạo; nhà nước có chính sách để hỗ trợ cho những đối tượng đặc thù, đối tượng chính sách xã hội khi tham gia các chương trình đào tạo phù hợp.

4.2.6. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn về việc chấp hành pháp luật về dạy nghề; giải quyết và xử lý các vi phạm pháp luật về dạy nghề để chấn chỉnh và hạn chế các vi phạm của các tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý dạy nghề khi tham gia thực hiện các hoạt động dạy nghề. Trong đó, quy định kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định, thủ tục về thành lập cơ sở dạy nghề công lập, đăng ký hoạt động dạy nghề, kiểm tra việc đào tạo có đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung, chương trình dạy nghề, quy chế tuyển sinh, học nghề, cấp chứng chỉ, tiêu chuẩn giáo viên dạy nghề.

Tăng cường kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật về dạy nghề và quản lí nhà nước về dạy nghề của các cấp chính quyền địa phương nhằm định hướng việc chỉ đạo thực hiện tại địa phương được sâu, sát hơn.

Thanh tra Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy ban Nhân dân huyện cần quan tâm hơn nữa đối với công tác quản lý dạy nghề, cần tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định về pháp luật dạy nghề tại các cơ sở dạy nghề.

5. Kết luận

Nghiên cứu về quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh cho thấy công tác quản lí nhà nước với đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện

đã đạt được một số kết quả từ việc tổ chức bộ máy quản lý đến công tác tuyên truyền được thực hiện rộng rãi thông qua đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Các nguồn lực đã được quan tâm bao gồm nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề; đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đào tạo nghề cho lao động nông thôn; kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Việc liên kết giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng đã góp phần vào đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được còn một số những hạn chế như: Sự chủ động tích cực của ban chỉ đạo kế hoạch đào tạo nghề, mạng lưới cơ sở đào tạo nghề còn hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý chưa mang tính chuyên nghiệp, Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy cơ cấu, chất lượng chưa đảm bảo, Chương trình, giáo trình dạy nghề chưa được thường xuyên cập nhật, bổ sung theo sự thay đổi của khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất; Quy trình biên soạn chương trình, giáo trình còn thiếu sự tham gia của doanh nghiệp nên phần lớn chưa phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn lạc hậu, thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề. Các giải pháp đề xuất để tăng cường quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đầm Hà bao gồm: Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và xã hội về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Nâng cao năng lực cho cán bộ công chức làm công tác quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Đẩy mạnh xã hội hoá dạy nghề; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trên cơ sở thực hiện đồng loạt các nhóm giải pháp này thì kết quả và hiệu quả cũng như quản lí nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn sẽ tốt hơn, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp Hành Trung Ương (2022), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm – Ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, truy cập ngày 3 tháng 2 năm 2023, từ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-19-nqtw-ngay-1662022-hoi-nghi-lan-thu-nam-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-nong-nghiep-nong-dan-nong-8629>.

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2022), *Vai trò của đào tạo nghề với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*, truy cập ngày 13 tháng 8 năm 2022, từ <http://www.molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=20931>.

Đào Mộng Điệp (2021), 'Quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Từ Quy định Pháp luật đến thực tiễn thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế', *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 130(6C), 137-148.

Lê Quang Hảo (2011), 'Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam', Luận văn Thạc sỹ Kinh tế phát triển, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.

Lệ Thu (2021), *10,4 triệu lao động nông thôn được học nghề: Vẫn còn đó thách thức*, truy cập ngày 29 tháng 7 năm 2022, từ <http://gdnn.gov.vn/AIAdmin/News/View/tabid/66/newsid/38590/seo/10-4-trieu-lao-dong-nong-thon-duoc-hoc-nghe-Van-con-do-thach-thuc/Default.aspx>.

Nguyễn Ngọc Sơn (2022), 'Đổi mới mạnh mẽ công tác dạy nghề cho lao động nông thôn', *Tạp chí Tuyên giáo*, truy cập ngày 6 tháng 6 năm 2023, từ <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/giao-duc/doi-moi-manh-me-cong-tac-day-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-142031>.

Nguyễn Thị Bền (2022), 'Quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội – thực trạng và giải pháp', *Tạp chí Quản lý nhà nước*, truy cập ngày 14 tháng 7 năm 2023, từ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/07/19/quan-ly-nha-nuoc-ve-dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-tai-huyen-soc-son-thanh-pho-ha-noi-thuc-trang-va-giai-phap/>.

Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đầm Hà (2022), *Báo cáo đào tạo nghề cho lao động nông thôn*, huyện Đầm Hà.

Trung tâm dạy nghề Huyện Đầm hà (2022), *Báo cáo thực trạng trình độ đào tạo của đội ngũ nhân lực tại trung tâm dạy nghề huyện Đầm Hà*, Huyện Đầm Hà.

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU CÁC HỘ NUÔI CÁ Ở HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Mạnh Hải
Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Email: tranmanhhai@vnua.edu.vn
Nguyễn Thị Thùy
Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội
Email: nguyenthuytshn@gmail.com
Thái Thị Nhung
Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Email: ttnhung@vnua.edu.vn

Mã bài: JED-887
Ngày nhận: 05/09/2022
Ngày nhận bản sửa: 21/12/2023
Ngày duyệt đăng: 27/12/2023
DOI: 10.33301/JED.VI.887

Tóm tắt:
Nghiên cứu này phân tích thực trạng quản lý rủi ro trong nuôi trồng thủy sản trên cơ sở xem xét trường hợp của các hộ nuôi cá ở huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. 100 hộ tại 3 xã của huyện được điều tra theo bảng hỏi, 9 cán bộ các cấp được phỏng vấn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các hộ đánh giá rủi ro từ môi trường nuôi, dịch bệnh và biến động thị trường đầu ra là 3 loại rủi ro xảy ra phổ biến, tiếp đến là những rủi ro thiên tai, giống và thức ăn. Trong quản lý rủi ro, các hộ đã quản lý khá tốt một số rủi ro ở khâu sản xuất bằng nhiều cách thức khác nhau như: lựa chọn con giống, thức ăn chất lượng; chuẩn bị các điều kiện phòng tránh thiên tai; chủ động nguồn vốn ban đầu và xác định chi phí vật tư đầu vào,... Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng cường quản lý và giảm thiểu rủi ro trong nuôi trồng thủy sản của hộ thời gian tới.
Từ khóa: Rủi ro, quản lý rủi ro, nuôi trồng thủy sản, Hà Nội.
Mã JEL: G22

Risk management in aquaculture: The case study of fish-farming households in Ung Hoa district, Hanoi city

Abstract:
This paper aims to analyze the situations of risk management in aquaculture based on the case study of fish-farming households in Ung Hoa district, Hanoi. 100 fish-farming households in three communes were surveyed by questionnaire; nine officials at commune, district and city levels were interviewed. The results show that the risk assessment from farm households, diseases, and output market fluctuations are the three most common types of risks occurring in their fish-farming, followed by disaster risks, production capital, feed, input markets and aquatic breeds. In risk management, farmers have managed quite well a number of risks in aquaculture production in different ways. Since then, the study has proposed several recommendations to strengthen management and reduce risks in aquaculture in the coming time.
Keywords: *Risk, risk management, aquaculture, Hanoi.*
JEL Code: G22

1. Đặt vấn đề

Nuôi trồng thủy sản là lĩnh vực sản xuất đặc thù, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và khó quản lý, kiểm soát, nên mức độ rủi ro lớn hơn so với các ngành sản xuất nông nghiệp khác. Nuôi trồng thủy sản đã và đang phải đối mặt với nhiều rủi ro về dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, vật tư đầu vào (giống, thức ăn, thuốc thú y...), cơ sở hạ tầng, tài chính, thị trường tiêu thụ, thể chế,... (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016).

Hà Nội là một trong những địa phương có nhiều lợi thế trong phát triển nuôi trồng thủy sản, với tổng diện tích tiềm năng là 30.840 ha mặt nước (Chi cục Thủy sản Hà Nội, 2021a), và là địa phương có diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt lớn nhất các tỉnh phía Bắc. Nuôi trồng thủy sản của Hà Nội phát triển nhờ đóng góp rất lớn từ vùng nuôi trồng thủy sản huyện Ứng Hòa. Đây là huyện có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất (chiếm 17,3%) và có nhiều vùng nuôi tập trung, năng suất nuôi trồng thủy sản thuộc loại cao nhất của Hà Nội. Diện tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản của huyện không ngừng tăng lên trong những năm gần đây. Năm 2021, diện tích nuôi trồng thủy sản toàn huyện là trên 4.070 ha (tăng 1.137 ha so với năm 2015), với sản lượng đạt trên 37.200 tấn; giá trị sản phẩm thủy sản trên 1 ha đạt trung bình 380 triệu đồng, cho thu nhập của các hộ nuôi trồng thủy sản gấp 4-5 lần so với mô hình canh tác lúa truyền thống (Phòng Kinh tế huyện Ứng Hòa, 2021). Tuy nhiên, nuôi trồng thủy sản ở huyện những năm qua cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản tại địa phương. Những năm gần đây, một số rủi ro phát sinh với tần suất và quy mô ngày càng cao như ô nhiễm môi trường nuôi, dịch bệnh, thời tiết bất thường, biến động giá cả và thị trường tiêu thụ đã và đang gây ra những thiệt hại lớn cho người nuôi trên địa bàn (Chi cục Thủy sản Hà Nội, 2021b).

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng quản lý rủi ro trong nuôi trồng thủy sản của hộ nông dân ở huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, từ đó khuyến nghị một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý và giảm thiểu rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất trong nuôi trồng thủy sản của hộ trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Cơ sở lý thuyết

Rủi ro (risk) và sự không chắc chắn (uncertainty) là cố hữu trong sản xuất kinh doanh. Rủi ro đề cập đến các tình huống trong đó khả năng (hay xác suất) xảy ra các kết cục khác nhau đã được biết trước (Karlan & cộng sự, 2014), còn sự không chắc chắn đề cập đến tình trạng có nhiều kết cục có thể xảy ra trong một quyết định nhưng chưa biết khả năng xảy ra của từng kết cục (Knight, 1921; Hardaker & cộng sự, 1997; OECD, 2009; Nguyễn Thị Minh Thu & Trần Đình Thao, 2016). Trong nông nghiệp, rủi ro và sự không chắc chắn là rất phổ biến và đa dạng. Điều này bắt nguồn từ một loạt các yếu tố bao gồm sự thất thường của thời tiết, bản chất không thể đoán trước của các quá trình sinh học, tính thời vụ rõ rệt của các chu kỳ sản xuất và thị trường, sự tách biệt về mặt không gian địa lý giữa sản xuất và tiêu dùng cuối cùng, các yếu tố về thể chế ở cả trong nước và quốc tế (World Bank, 2010). Theo World Bank (2010), những loại rủi ro chủ yếu và phổ biến mà ngành nông nghiệp thường phải đối mặt bao gồm: thời tiết; thiên tai; môi trường sinh thái; thị trường; hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ; quản lý và vận hành; thể chế và chính sách công; và yếu tố chính trị.

Rủi ro có thể gây ra những tổn thất nhưng cũng có thể mang lại những lợi ích, những cơ hội. Nếu quản lý tốt rủi ro, có thể tìm ra những biện pháp phòng ngừa, hạn chế những rủi ro tiêu cực, đón nhận những cơ hội mang lại kết quả tốt đẹp trong tương lai. Hardaker & cộng sự (1997) cho rằng quản lý rủi ro là sự áp dụng có hệ thống các chính sách quản lý, các nguyên tắc và hành động trong việc nhận diện, phân tích, đánh giá, xử lý và giám sát rủi ro nhằm giảm thiểu thiệt hại và tối đa hóa các cơ hội. Theo Trần Đình Thao (2010, 2013), quản lý rủi ro là một quá trình hoạch định ra những kế hoạch, những phương pháp và các hành động nhằm phân tích, đánh giá, xử lý và theo dõi rủi ro với mục tiêu cuối cùng là giảm thiểu rủi ro cũng như những thiệt hại do rủi ro gây ra nhằm đạt được lợi nhuận mong muốn. Quản lý rủi ro trong nông nghiệp cũng được hiểu là những nỗ lực nhằm nhận diện và quản lý các vấn đề bên trong và bên ngoài nông trại để đưa ra các biện pháp đối với cả mặt tích cực cũng như tiêu cực của rủi ro (Đỗ Trường Lâm & cộng sự, 2021). Đỗ Kim Chung (2014) cho rằng, quản lý rủi ro trong nông nghiệp cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản, bao gồm: Phòng ngừa tốt hơn là đối phó với rủi ro; Nỗ lực giảm thiểu tác động xấu, biến nguy cơ thành thời cơ; Ra quyết định quản lý rủi ro theo từng cấp độ phù hợp từ vi mô đến vĩ mô (hộ, cộng đồng, vùng, quốc gia); Lồng